

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 27-3-2025
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Trọng Nhơn;

Bà Phan Thị Trang Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim K (Nguyễn Kim P), sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, bà Trần Thị Kim T trình bày:*

Năm 2022, bà Trần Thị Kim T cho bà Nguyễn Kim K (Nguyễn Kim P) mượn số tiền 90.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có giao hẹn khi nào bà T cần thì bà K phải trả. Tết năm 2023, bà T cần tiền nên gặp bà K đòi lại số tiền cho mượn nhưng bà K không trả; do quen biết nên cho bà K mượn thêm một thời gian nữa. Đến năm 2024, bà T đòi nhiều lần nhưng bà K chỉ hứa hẹn và đến nay vẫn không thanh toán. Xét thấy, bà Nguyễn Kim K cố tình không trả số tiền đã mượn làm ảnh hưởng đến quyền lợi nên bà T khởi kiện buộc bà K có trách nhiệm trả cho bà 90.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/02/2025, bà Trần Thị Kim T yêu cầu ông Phạm Văn T1 (chồng bà P) có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Kim P trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng.

** Bị đơn, bà Nguyễn Kim K (Nguyễn Kim P) trình bày:* Bà K cho rằng hiện nay bà nợ nần nhiều người, bà không đồng ý nhận và ký tên vào bất kỳ văn bản nào do Tòa án tổng đạt.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn T1:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, hết thời hạn theo quy định mà ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Trần Thị Kim T khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

Bà Trần Thị Kim T trình bày: Bảo lưu yêu cầu khởi kiện; khoản tiền 90.000.000 đồng do bà K và ông T1 vay (mượn) nhiều lần, sau đó mới làm biên nhận; nguyên nhân bà T yêu cầu ông T1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà P vì trong số nợ 90.000.000 đồng thì có lần ông T1 nhận tiền. Mục đích của việc vay tiền để ông T1 và bà K làm vốn kinh doanh (mua cá, tôm thịt).

Bà Nguyễn Kim K và ông Phạm Văn T1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T, buộc ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K

liên đới thanh toán cho bà T số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Ông T1 và bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Kim T khởi kiện buộc vợ chồng ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K liên đới thanh toán tiền mượn còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; ông T1 và bà K cùng cư trú tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2024, bà Trần Thị Kim T khởi kiện buộc bà Nguyễn Kim K thanh toán tiền còn nợ nên xác định bà T là nguyên đơn, bà K là bị đơn; đến ngày 07/02/2025, bà Trần Thị Kim T khởi kiện bổ sung: Bà T yêu cầu ông Phạm Văn T1 (chồng bà K) có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Kim K trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng, vì vậy xác định ông Phạm Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông T1 và bà K theo quy định điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Năm 2022, bà Trần Thị Kim T cho vợ chồng ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K vay tiền nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Trần Thị Kim T cho rằng ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K (P) còn nợ bà T 90.000.000 đồng, khi vay (mượn) tiền không có làm biên nhận, không quy định thời gian thanh toán cụ thể và không có thỏa thuận về lãi suất. Sau khi đòi nhiều lần mà Nguyễn Kim K không thanh toán nợ thì bà T mới yêu cầu bà P viết

biên nhận và ký tên ngày 17/7/2022, Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản của Tòa án cho bà K nhưng bà K đều từ chối nhận với lý do “Bà Nguyễn Kim P cho rằng hiện nay còn nợ tiền nhiều người không có khả năng trả, bà không đồng ý ký tên gì cho ai” (bút lục số 15, 21). Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc giao dịch vay tiền giữa bà Trần Thị Kim T với bà Nguyễn Kim K là thực tế có xảy ra và mặc nhiên được bà K thừa nhận.

Về trách nhiệm trả nợ.

Bà Trần Thị Kim T buộc ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K liên đới thanh toán cho bà số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng; ông T1 và bà K không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà T. Xét thấy, yêu cầu này của bà T là có căn cứ vì số tiền vay nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích của việc vay (mượn) tiền dùng vào việc mua bán phục vụ nhu cầu của gia đình của bà K và ông T1; ông T1 không chứng minh được việc bà K vay tiền để dùng cho cá nhân nên ông T1 phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T, buộc vợ chồng ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K liên đới thanh toán cho bà T số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Kim K và ông Phạm Văn T1 chậm thanh toán thanh toán cho bà T số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 và bà K còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Kim K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T không phải chịu

án phí dân sự sơ thẩm, bà T là đối tượng người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Kim K (Nguyễn Kim P) và ông Phạm Văn T1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Kim T số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Kim K và ông Phạm Văn T1 chậm thanh toán thanh toán cho bà T số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 và bà K còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Bà Nguyễn Kim K (Nguyễn Kim P) và ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng.

Bà Trần Thị Kim T không phải chịu án phí và được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền